

Số: 12 /2013/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 02 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi,
hội thi và mức chi tổ chức một số hoạt động của ngành
Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:.....1242.....
	Ngày: 27/02/2013
	Chuyên:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 26/4/2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu lạc bộ, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 408/TTr-SGDĐT ngày 13/12/2012 về việc ban hành quy định nội dung và mức chi phục vụ các kỳ thi, các hội thi và mức chi tổ chức một số hoạt động của ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 1420/STC-TCHCSN ngày 20/6/2012 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 126/BC-STP ngày 06/7/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi, các hội thi và mức chi tổ chức một số hoạt động của ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Chi tiết tại các Phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Mức chi quy định tại Điều 1 Quyết định này được áp dụng thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian tổ chức các hoạt động. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ trong ngày thì được hưởng một mức thù lao cao nhất.

Mức chi nêu trên là mức tối đa, căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng dự toán kinh phí được giao, thủ trưởng đơn vị xem xét điều chỉnh, bổ sung vào quy chế chi tiêu nội bộ cho của đơn vị cho phù hợp, làm cơ sở cho việc thanh toán tại đơn vị và làm cơ sở để kiểm soát chi, thanh tra, kiểm tra, thẩm tra quyết toán sử dụng kinh phí của các cơ quan có thẩm quyền.

Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

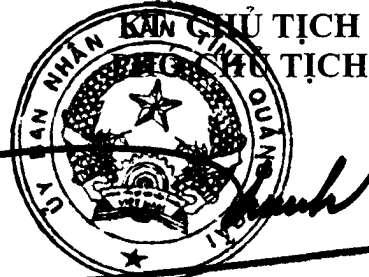
Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 25/2008/QĐ-UBND ngày 10/3/2008 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về nội dung chi tổ chức kỳ thi tốt nghiệp, tuyển sinh, thi học sinh giỏi các cấp, các hội thi khác của ngành giáo dục, thi giáo viên dạy giỏi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban ngành và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

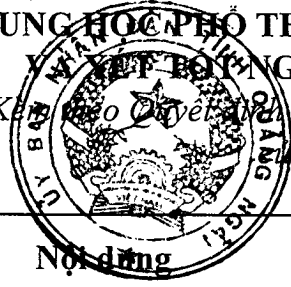
- Như Điều 4;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- VPUB: PVP, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, VHXH.nk69

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Lê Quang Thích

PHỤ LỤC I
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI PHỤC VỤ KỲ THI TỐT NGHIỆP
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, BỒ TÚC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ
 (Kế hoạch chi tiết số: 12 /2013/QĐ-UBND ngày 27 /02/2013
 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



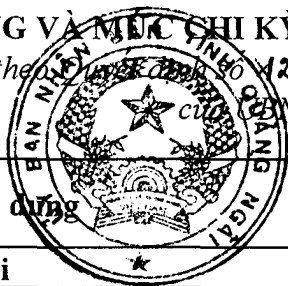
Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
1. Lập hồ sơ dự thi			
1.1. Lập hồ sơ dự thi	đồng/phòng thi	15	
1.2. Kiểm tra hồ sơ dự thi	đồng/phòng thi	10	
2. Chi Hội đồng in sao đề thi			
2.1. Chi phụ cấp Hội đồng in sao đề thi			
- Chủ tịch	Người/ngày	300	
- Phó chủ tịch	Người/ngày	260	
- Thư ký, uỷ viên, bảo vệ vòng trong (24/24h)	Người/ngày	210	
- Bảo vệ vòng ngoài, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ.	Người/ngày	115	
2.2. Hỗ trợ tiền ăn cho những người trong hội đồng in sao đề thi.	Người/ngày	120	
3. Chi phụ cấp cho Hội đồng coi thi			
- Chủ tịch	Người/ngày	265	
- Phó Chủ tịch	Người/ngày	250	
- Ủy viên, thư ký, giám thị	Người/ngày	210	
- Bảo vệ vòng ngoài, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ.	Người/ngày	100	
4. Chi phụ cấp cho hội đồng xét, công nhận tốt nghiệp Tiểu học, Trung học cơ sở, Bồ túc Trung học cơ sở			
- Chủ tịch	Người/ngày	210	Tối đa không quá 5 ngày, phải có quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền.
- Phó Chủ tịch	Người/ngày	200	
- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	170	
- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	100	
5. Tổ chức chấm thi			
5.1. Chấm bài thi tự luận:			
- Chấm bài thi	Bài	15	
- Phụ cấp trách nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó các tổ chấm thi	Người/đợt	230	
5.2. Chấm bài thi trắc nghiệm:			
- Chi cho cán bộ thuộc tổ xử lý bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	350	
- Chi cho việc thuê máy chấm thi	Căn cứ Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp hợp lệ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao		

5.3. Chi phụ cấp cho Hội đồng chấm thi:			
- Chủ tịch	<i>Người/ ngày</i>	300	
- Phó Chủ tịch	<i>Người/ ngày</i>	275	
- Thư ký, kỹ thuật viên	<i>Người/ ngày</i>	210	
- Phục vụ, bảo vệ	<i>Người/ ngày</i>	100	
- Trục bảo vệ bài thi ngoài giờ	<i>Người/ ngày</i>	50	
5.4. Hỗ trợ tiền ăn cho những người trong hội đồng làm phách cách ly triệt để với bên ngoài.	<i>Người/ ngày</i>	120	
6. Chi phụ cấp cho ban công tác cụm trường			
- Trưởng ban	<i>Người/ ngày</i>	150	
- Phó trưởng ban	<i>Người/ ngày</i>	130	
- Ủy viên, thư ký	<i>Người/ ngày</i>	120	
7. Phúc khảo bài thi			
Phụ cấp cho các cán bộ tham gia phúc khảo, chấm thẩm định bài thi tốt nghiệp	<i>Người/ngày</i>	160	
8. Thanh tra thi			
- Trưởng, phó đoàn	<i>Người/ ngày</i>	300	Chỉ áp dụng đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiêm nhiệm
- Đoàn viên đoàn thanh tra	<i>Người/ ngày</i>	210	
- Thanh tra viên độc lập	<i>Người/ ngày</i>	250	
9. Bồi dưỡng Ban chỉ đạo, ban tổ chức, bộ phận phục vụ			
Trưởng Ban chỉ đạo	<i>Người/ ngày</i>	300	
- Phó ban chỉ đạo	<i>Người/ ngày</i>	275	
- Ủy viên ban chỉ đạo	<i>Người/ ngày</i>	250	
- Ban tổ chức	<i>Người/ ngày</i>	170	
- Phục vụ	<i>Người/ ngày</i>	100	
10. Tiền ở, lưu trú và vé tàu xe đi lại cho giáo viên ở xa trong thời gian tổ chức thi	Đơn vị được cử đi có trách nhiệm thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức đi công tác trong nước. Đối với giáo viên trung học cơ sở, tiểu học làm công tác thi thì được thanh toán trực tiếp tại đơn vị tổ chức thi.		
11. Tiền thuê cơ sở vật chất, văn phòng phẩm, ấn phẩm thi, nước uống và các dịch vụ khác (nếu có) tại các hội đồng ra đề thi, coi thi, chấm thi.	Căn cứ chế độ hiện hành, Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp hợp lệ trong phạm vi dự toán được giao		

PHỤ LỤC II

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI KỶ THI TỐT NGHIỆP NGHỀ PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định 12 /2013/QĐ-UBND ngày 27 /02/2013

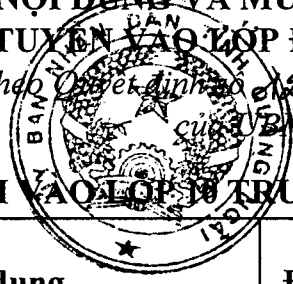


UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
1. Lập hồ sơ dự thi			
1.1. Lập hồ sơ dự thi	đồng/phòng thi	10	
1.2. Kiểm tra hồ sơ dự thi	đồng/phòng thi	07	
2. Chi ra đề thi			
2.1. Ra đề tự luận (Đề thi vừa trắc nghiệm, vừa tự luận được xem là đề tự luận)			
- Đề đề xuất (có đáp án và hướng dẫn chấm)	Đề	150	
- Đề thi chính thức và dự bị (có đáp án)	Người/ ngày	120	Tối đa không quá 2.100.000 đồng/đề
- Đề thực hành (có đáp án)	Đề	90	Đề phải có ít nhất 10 câu
2.2. Phụ cấp Hội đồng ra đề			
- Chủ tịch	Người/ ngày	210	
- Phó Chủ tịch	Người/ ngày	180	
- Thư ký	Người/ ngày	150	
- Phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	70	
3. Chi cho tổ chức coi thi, chấm thi			
3.1. Chi phụ cấp cho Hội đồng coi thi, chấm thi			
- Chủ tịch	Người/ngày	210	
- Phó Chủ tịch	Người/ ngày	180	
- Thư ký, giám thị, giám khảo chấm thi thực hành, kỹ thuật viên,...	Người/ ngày	150	
- Phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ ngày	70	
- Trục bảo vệ bài thi ngoài giờ	Người/ ngày	50	
3.2. Chi phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng, tổ phó tổ chấm thi	Người/ đợt	100	
3.3. Chấm bài lý thuyết	Bài thi	05	
3. Thanh tra thi			
- Trưởng, phó đoàn	Người/ ngày	210	
- Đoàn viên đoàn thanh tra	Người/ ngày	150	
4. Tiền ở , lưu trú và vé tàu xe đi lại cho giáo viên ở xa trong thời gian tổ chức thi	Đơn vị được cử đi có trách nhiệm thực hiện theo qui định hiện hành về chế độ công tác phí cho CBCCC đi công tác trong nước. Riêng giáo viên THCS, tiểu học làm công tác thi được thanh toán trực tiếp tại đơn vị tổ chức thi.		
5. Tiền thuê cơ sở vật chất, văn phòng phẩm, ấn phẩm thi, nước uống và các dịch vụ khác (nếu có)	Căn cứ chế độ hiện hành, Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ trong phạm vi dự toán được giao.		
6. Chi mua nguyên, vật liệu tiêu hao... đối với các môn thi thực hành			
7. Chi mua phôi và hoàn thiện giấy chứng nhận tốt nghiệp nghề		02	

PHỤ LỤC III

**NỘI DUNG VÀ MỨC CHI KỲ THI TUYỂN SINH,
XÉT TUYỂN VÀO LỚP ĐÀU CẤP PHỔ THÔNG, MẦM NON**
(Kèm theo Quyết định số 12 /2013/QĐ-UBND ngày 27/02/2013
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



1. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)		Ghi chú
		THPT	THPT Chuyên	
1. Chi Lập hồ sơ dự thi				
1.1. Lập hồ sơ dự thi	đồng/ph. thi	15	15	
1.2. Kiểm tra hồ sơ dự thi	đồng/ph. thi	10	10	
2. Chi ra đề thi				
2.1. Ra đề trắc nghiệm (Đề thi 100% câu trắc nghiệm đưa vào máy chấm)				
- Soạn thảo câu trắc nghiệm đưa vào biên tập	Câu	40	60	
- Thẩm định và biên tập câu trắc	Câu	40	60	
- Đánh máy và nhập vào ngân hàng câu trắc nghiệm	Người/ngày	180	180	
2.2. Ra đề tự luận (Đề thi vừa trắc nghiệm vừa tự luận được xem là đề tự luận)				
a) Đề đề xuất	Đề	320	410	
b) Đề thi chính thức, dự bị (có đáp án) và phân biện đề thi	Người/ngày	400	450	Tối đa không quá: 3,5 triệu đồng/đề môn không chuyên; 4,0 triệu đồng/đề môn chuyên
- Chủ tịch Hội đồng ra đề	Người/ngày	240	240	
- Phó Chủ tịch	Người/ngày	210	210	
- Thư ký, bảo vệ vòng trong	Người/ngày	170	170	
- Phục vụ, bảo vệ vòng ngoài,...	Người/ngày	80	80	
- Hỗ trợ tiền ăn cho những người trong Hội đồng ra đề, in sao đề thi	Người/ngày	120	120	
3. Chi cho tổ chức coi thi, chấm thi				
3.1. Chi phụ cấp cho Hội đồng coi thi, chấm thi				
- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	210	210	
- Phó Chủ tịch	Người/ngày	200	200	
Thư ký, giám thị, giám khảo, kỹ thuật viên...	Người/ngày	170	170	
- Phục vụ, bảo vệ vòng ngoài...	Người/ngày	80	80	
- Trục bảo vệ đề, bài thi ngoài giờ	Người/ngày	50	50	
3.2. Chi phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng, tổ phó tổ chấm thi				
	Người/đợt	190	190	
3.3. Chấm bài trắc nghiệm				
	Người/ngày	280	280	Sử dụng máy chấm
3.4. Chấm bài lý thuyết				
	Bài thi	12	40	Cho tất cả các công đoạn chấm thi

3.5. Hỗ trợ tiền ăn cho những người trong Hội đồng làm phách bài thi trong những ngày tập trung cách ly	<i>Người/ngày</i>	120	120	
4. Phúc khảo bài thi				
Phụ cấp cho cán bộ tham gia phúc khảo bài thi	<i>Người/ngày</i>	130	130	
5. Thanh tra thi				
- Trưởng, Phó đoàn	<i>Người/ngày</i>	240	240	
- Đoàn viên đoàn thanh tra	<i>Người/ngày</i>	170	170	
6. Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, phục vụ				
- Trưởng ban chỉ đạo	<i>Người/ngày</i>	240	240	
- Phó ban chỉ đạo	<i>Người/ngày</i>	220	220	
- Ủy viên ban chỉ đạo	<i>Người/ngày</i>	200	200	
- Ban tổ chức	<i>Người/ngày</i>	150	150	
- Phục vụ	<i>Người/ngày</i>	100	100	
7. Tiền ở, lưu trú và vé tàu xe đi lại cho giáo viên ở xa trong thời gian tổ chức thi.	Được đơn vị cử đi thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành. Đối với giáo viên Trung học cơ sở, Tiểu học được điều động làm công tác thi, được thanh toán trực tiếp tại đơn vị tổ chức thi.			
8. Tiền thuê cơ sở vật chất, văn phòng phẩm, ấn phẩm thi, nước uống và các dịch vụ khác.. (nếu có).	Căn cứ chế độ hiện hành có Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp hợp lệ trong phạm vi dự toán được giao.			
9. Chi mua nguyên, vật liệu tiêu hao... đối với các môn thi thực hành (nếu có)				

II. XÉT TUYỂN VÀO CÁC LỚP ĐẦU CẤP MẦM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)		Ghi chú
		Mầm non, Tiểu học	THCS, THPT	
Phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng xét tuyển sinh	<i>Người/ngày</i>	180	210	Tối đa không quá 7 ngày/đợt

PHỤ LỤC IV
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI PHỤC VỤ KỲ THI HỌC SINH GIỎI CÁC CẤP,
CÁC HỘI THI CỦA NGÀNH HỌC MÀM NON
 (Kèm theo Quyết định số 12 /2013/QĐ-UBND ngày 27 /02/2013
 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

I. THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (1.000 đ)	Ghi chú
1. Chi cho giáo viên tham gia dạy Bồi dưỡng, tập huấn			
1.1. Chi dịch tài liệu tham khảo	<i>Trang</i>	40	Tối thiểu mỗi trang phải đạt 300 từ của văn bản gốc
1.2. Chi phụ cấp cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	<i>Người/ngày</i>	50	
1.3. Chi biên soạn và giảng dạy:			
- Dạy lý thuyết	<i>Tiết</i>	200	
- Dạy thực hành	<i>Tiết</i>	280	
- Trợ lý thí nghiệm, thực hành	<i>Tiết</i>	90	
1.4. Tiền ở, lưu trú và vé tàu xe đi lại của giáo viên ở xa trong thời gian tập huấn	Theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức đi công tác trong nước (<i>chi</i>)		
2. Chi phụ cấp trách nhiệm cho Hội đồng/Ban coi thi			
- Chủ tịch Hội đồng	<i>Người/ngày</i>	240	
- Phó Chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	210	
Thư ký, giám thị, giám khảo, kỹ thuật viên...	<i>Người/ngày</i>	170	
- Phục vụ, bảo vệ vòng ngoài...	<i>Người/ngày</i>	80	
3. Chi cho học sinh			
3.1. Chi tiền ăn cho học sinh đội tuyển những ngày tập huấn	<i>Người/ngày</i>	100	
3.2. Chi tiền ăn cho học sinh đội tuyển những ngày dự thi	<i>Người/ngày</i>	120	
3.3. Tiền ở và vé tàu xe đi lại cho học sinh ở xa trong thời gian tập huấn	Theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức đi công tác trong nước (<i>chi tại Sở Giáo dục và Đào tạo</i>)		
4. Tiền thuê phòng học, phòng thí nghiệm, thuê phương tiện đi thực tế, thực hành và các dịch vụ khác	Căn cứ chế độ hiện hành, hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ trong phạm vi dự toán được giao		
5. Chi mua nguyên vật liệu, hoá chất			

II. THI HỌC SINH GIỎI CÁC CẤP: Áp dụng đối với cấp trường Trung học phổ thông hoặc tương đương; cấp huyện (*gồm bậc học: Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở*) và cấp tỉnh; trường hợp các trường: Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở nếu có tổ chức thi cấp trường thì được áp dụng bằng 80% mức chi cấp huyện, tương ứng theo bảng Phụ lục sau:

1. Thi học sinh giỏi môn văn hoá

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)			Ghi chú
		Cấp trường THPT hoặc tương đương	Cấp huyện (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	
1. Chi Lập hồ sơ dự thi					
1.1. Lập hồ sơ dự thi	<i>đồng/phòng thi</i>		15	15	
1.2. Kiểm tra hồ sơ dự thi	<i>đồng/phòng thi</i>		10	10	
2. Ra đề thi					
2.1. Đối với đề thi trắc nghiệm	<i>Đề thi 100% câu trắc nghiệm đưa vào máy chấm</i>				
- Soạn thảo câu trắc nghiệm đưa vào biên tập	<i>Câu</i>	30	30	60	
- Thẩm định và biên tập câu trắc nghiệm	<i>Câu</i>	30	30	60	
- Đánh máy và nhập vào ngân hàng câu trắc nghiệm	<i>Người/ngày</i>	100	100	180	
2.2. Đối với đề thi tự luận	<i>Đề thi vừa trắc nghiệm vừa tự luận được xem là đề tự luận</i>				
a) Ra đề thi đề xuất (có đáp án) theo phân môn	<i>Một đề chính thức bao gồm nhiều phân môn khác nhau, đề thi đề xuất có ít nhất 3 câu</i>				
	<i>Đề</i>	275	275	410	
b) Ra đề thi chính thức, đề thi dự bị (có đáp án) và phân biện đề thi	<i>Tối đa không vượt quá: 3,5 triệu đồng đối với cấp huyện; 4,5 triệu đồng đối với cấp tỉnh</i>				
	<i>Người/ngày</i>	210	350	450	
c) Phụ cấp Hội đồng ra đề thi:					
- Chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	170	210	240	
- Phó chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	140	200	210	
- Ủy viên, Thư ký, bảo vệ vòng trong (24/24)	<i>Người/ngày</i>	100	170	170	
- Bảo vệ, phục vụ vòng ngoài	<i>Người/ngày</i>	50	50	80	
- Hỗ trợ tiền ăn cho những người trong Hội đồng in sao đề thi trong những ngày tập trung cách ly	<i>Áp dụng cho hội đồng chấm thi trong những ngày tập trung cách ly (nếu có).</i>				
	<i>Người ngày</i>		120	120	

3. Tổ chức coi thi					
3.1. Chi phụ cấp cho Hội đồng coi thi					
- Chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	150	180	240	
- Phó Chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	130	160	210	
- Thư ký, Giám thị	<i>Người/ngày</i>	110	130	170	
- Bảo vệ vòng ngoài	<i>Người/ngày</i>	50	50	80	
- Phục vụ, y tế	<i>Người/ngày</i>	50	50	80	
- Bảo vệ bài thi, đề thi ban đêm	<i>Người/ngày</i>			50	
3.2. Thuê mướn cơ sở vật chất, văn phòng phẩm, nước uống, chi khác... cho hội đồng coi thi	Căn cứ Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ trong phạm vi dự toán.				
4. Tổ chức chấm thi					
4.1. Chấm bài thi tự luận	<i>Bài</i>	15	20	40	
4.2. Phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi	<i>Người/đợt</i>	70	120	150	
4.3. Chấm bài trắc nghiệm					
- Chi cho cán bộ thuộc tổ xử lý bài thi trắc nghiệm	<i>Người/ngày</i>	100	150	280	
- Chi thuê máy chấm thi	Căn cứ Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ trong phạm vi dự toán được giao				
4.4. Chi phụ cấp cho hội đồng chấm thi					
- Chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	150	180	240	
- Phó chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	130	160	210	
- Thư ký, kỹ thuật viên	<i>Người/ngày</i>	110	130	170	
- Bảo vệ, phục vụ, y tế	<i>Người/ngày</i>	50	50	80	
4.5. Các khoản chi khác					
- Bảo vệ bài thi, đề thi ban đêm tại các hội đồng chấm thi	<i>Người/ngày</i>		70	70	
- Thuê mướn cơ sở vật chất, văn phòng phẩm, nước uống, chi khác cho hội đồng chấm	Căn cứ Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ trong phạm vi dự toán				
4.6. Chi xét kết quả	<i>Người/ngày</i>	110	130	200	
5. Chi phụ cấp trách nhiệm cho Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức	<i>Người/ngày</i>	110	130	200	
6. Chi phụ cấp thanh tra					
- Trưởng đoàn	<i>Người/ngày</i>		210	240	
- Đoàn viên đoàn thanh tra	<i>Người/ngày</i>		200	160	
7. Bồi dưỡng, tập huấn và dự thi					
7.1. Chi phụ cấp cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	<i>Người/ngày</i>		50	50	
7.2. Chi biên soạn và giảng dạy					
- Dạy lý thuyết	<i>Tiết</i>		120	140	
- Dạy thực hành	<i>Tiết</i>		170	200	
- Trợ lý thí nghiệm, thực hành	<i>Tiết</i>		70	70	

7.3. Chi tiền ăn cho học sinh đội tuyển	Người/ngày		60	100	
Đối với giáo viên được phân công dạy bồi dưỡng học sinh giỏi cấp trường chỉ thanh toán cho số tiết vượt giờ chuẩn và chi theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.					
7.4. Chi phí cho giáo viên và học sinh ở xa trong thời gian tham gia tập huấn, bồi dưỡng và dự thi	Đơn vị cử học sinh và cán bộ, giáo viên tham dự thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành từ nguồn kinh phí trong dự toán được giao; riêng học sinh vì đã được hỗ trợ tiền ăn nên không được thanh toán phụ cấp công tác.				
7.5. Tiền thuê phòng học, phòng thí nghiệm, thuê phương tiện đi thực tế, thực hành và các dịch vụ khác	Căn cứ chế độ hiện hành, hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp hợp lệ trong phạm vi dự toán được giao				
7.6. Chi mua nguyên vật liệu, hoá chất					

2. Thi học sinh giỏi các môn thi, hội thi khác: Bao gồm thi bé khoẻ, bé ngoan, bé khoẻ tay nhanh trí, thi vở sạch chữ đẹp, kể chuyện theo sách, văn nghệ, máy tính bỏ túi, các môn thi, hội thi khác được áp dụng bằng 80% mức chi của môn văn hoá tương ứng cùng cấp tổ chức ở trên. Riêng đối với các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở nếu có tổ chức thi cấp trường thì được áp dụng bằng 80% mức chi cấp huyện tương ứng.

PHỤ LỤC V

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI PHỤC VỤ HỘI KHỎE PHÙ ĐỔNG, HỘI THAO QUỐC PHONG VÀ CÁC MÔN THI THỂ DỤC - THỂ THAO

(Kèm theo Quyết định số 12 /2013/QĐ-UBND ngày 27 /02/2013
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

I. HỘI THI CẤP TOÀN QUỐC

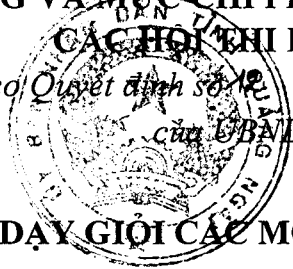
Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
1. Chế độ dinh dưỡng đối với Ban Tổ chức, Huấn luyện viên, vận động viên thi đấu			
1.1. Trong thời gian tập luyện	Người/ngày	120	
1.2. Trong thời gian thi đấu (áp dụng đối với học sinh, riêng giáo viên được thanh toán theo chế độ công tác phí)	Người/ngày	150	
1.3. Chi bồi dưỡng Ban Tổ chức	Người/ngày	80	
2. Tiền ở và vé tàu xe hoặc thuê phương tiện đi lại cho học sinh, giáo viên trong thời gian tập luyện và thi đấu	Theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức đi công tác trong nước do đơn vị cử học sinh và cán bộ, giáo viên đi dự thi thanh toán trong dự toán được giao.		
3. Thuê cơ sở vật chất để tập luyện, phí khám sức khỏe cho vận động viên, một số chi phí khác (nếu có)	Căn cứ Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp hợp lệ trong phạm vi dự toán được giao.		

II. HỘI THI CÁC CẤP: Áp dụng đối với cấp trường Trung học phổ thông hoặc tương đương; cấp huyện (bậc Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở) và cấp tỉnh. Riêng các trường Mầm non (dành cho học sinh nếu có), Tiểu học và Trung học cơ sở nếu có tổ chức thi cấp trường thì được áp dụng bằng 80% mức chi cấp huyện tương ứng.

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)			Ghi chú
		Cấp trường THPT hoặc tương đương	Cấp huyện (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	
1. Chế độ dinh dưỡng đối với Huấn luyện viên, vận động viên thi đấu					
1.1. Trong thời gian tập luyện	Người/ngày		40	60	Trường hợp huấn luyện viên được thanh toán phụ cấp công tác theo chế độ công tác phí thì không được áp dụng tại quy định này
1.2. Trong thời gian thi đấu (áp dụng đối với học sinh)	Người/ngày		60	120	
2. Chế độ bồi dưỡng cho trọng tài, giám sát, ban tổ chức, phục vụ					
2.1. Đối với các môn tính theo buổi: cầu lông, đá cầu, điền kinh, cờ vua					
- Trưởng, phó ban	Người/ngày	80	80	100	
- Ủy viên ban tổ chức	Người/ngày	60	60	80	
- Trọng tài	Người/buổi	60	60	80	
- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	40	40	60	
2.2. Đối với các môn tính theo trận: Bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ...					
a) Bóng đá (11 người)					
- Trưởng, phó ban	Người/ngày	60	60	80	
- Ủy viên ban tổ chức	Người/ngày	50	50	70	
- Trọng tài chính, giám sát	Người/trận	50	50	70	
- Trợ lý trọng tài, thư ký	Người/trận	50	50	60	
- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	40	40	60	
b) Bóng đá (05, 07 người)					
- Trưởng, phó ban	Người/ngày	50	50	60	
- Ủy viên ban tổ chức	Người/ngày	40	40	50	
- Trọng tài chính, giám sát	Người/trận	50	50	70	
- Trợ lý trọng tài, thư ký	Người/trận	50	50	60	
- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	40	40	60	
c) Bóng chuyền, bóng rổ					
- Trưởng, phó ban	Người/ngày	50	50	60	
- Ủy viên ban tổ chức	Người/ngày	40	40	50	
- Trọng tài chính, giám sát	Người/trận	50	50	70	
- Trợ lý trọng tài, thư ký	Người/trận	50	50	60	
- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	40	40	50	
3. Tiền ở, phụ cấp lưu trú và tàu xe hoặc thuê phương tiện đi lại cho học sinh, giáo viên trong thời gian thi đấu.	Theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức đi công tác trong nước do đơn vị cử học sinh và cán bộ, giáo viên đi dự thi thanh toán trong dự toán được giao.				
4. Thuê cơ sở vật chất để tập luyện, phí khám sức khỏe cho vận động viên, một số chi phí khác (nếu có).	Căn cứ Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp hợp lệ trong phạm vi dự toán được giao.				

PHỤ LỤC VI
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI PHỤC VỤ THI GIÁO VIÊN DẠY GIỎI,
CÁC HỘI THI KHÁC CỦA GIÁO VIÊN

(Kèm theo Quyết định số 12 /2013/QĐ-UBND ngày 27/02/2013
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



I. THI GIÁO VIÊN DẠY GIỎI CÁC MÔN VĂN HÓA

Áp dụng đối với cấp trường Trung học phổ thông hoặc tương đương; cấp huyện (bậc Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở) và cấp tỉnh. Riêng các trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở nếu có tổ chức thi cấp trường thì được áp dụng bằng 50% mức chi cấp huyện tương ứng.

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)			Ghi chú
		Cấp trường THPT hoặc tương đương	Cấp huyện (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	
1. Ra đề thi					
1.1. Ra đề thi đề xuất (có đáp án) theo phân môn	Một đề chính thức bao gồm nhiều phân môn khác nhau, đề thi đề xuất có ít nhất 03 câu				
	<i>Đề</i>	275	275	410	
1.2. Ra đề thi chính thức và đề thi dự bị (có đáp án)	Tối đa không vượt quá: 1,2 triệu đồng/đề đối với cấp huyện, cấp trường THPT; 1,5 triệu đồng/đề đối với cấp tỉnh				
	<i>Người/ngày</i>	210	210	270	
1.3. Phụ cấp Hội đồng ra đề thi :					
- Chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	170	210	240	
- Phó chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	140	200	210	
- Ủy viên, Thư ký	<i>Người/ngày</i>	100	170	170	
2. Tổ chức coi thi					
2.1. Chi phụ cấp cho Hội đồng/Ban coi thi					
- Chủ tịch Hội đồng	<i>Người/ngày</i>	90	180	210	
- Các phó chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	80	160	200	
- Ủy viên, thư ký, giám thị	<i>Người/ngày</i>	60	130	170	
- Bảo vệ, phục vụ	<i>Người/ngày</i>	50	50	70	
2.2. Thuê mượn cơ sở vật chất, văn phòng phẩm, nước uống, chi khác cho hội đồng coi thi	Căn cứ Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ trong phạm vi dự toán				
3. Tổ chức chấm thi					
3.1. Chấm bài thi lý thuyết	<i>Bài</i>	10	15	20	
3.2. Chấm tiết giảng trên lớp					
- Thi lý thuyết	<i>Tiết/giám khảo</i>	30	40	80	
- Thi thực hành	<i>Tiết/giám khảo</i>	35	45	100	
- Trợ lý thí nghiệm	<i>Tiết/giám khảo</i>	20	20	25	

3.3. Chi phụ cấp cho hội đồng chấm thi					
- Chủ tịch Hội đồng	<i>Người/ngày</i>	90	180	210	
Các Phó Chủ tịch	<i>Người/ngày</i>	80	160	200	
-Ủy viên, Thư ký, kỹ thuật viên	<i>Người/ngày</i>	60	130	170	
- Bảo vệ , phục vụ, y tế	<i>Người/ngày</i>	50	50	70	
4. Thanh tra thi					
- Trưởng, Phó đoàn	<i>Người/ngày</i>	0	180	210	
- Đoàn viên thanh tra	<i>Người/ngày</i>	0	160	200	
5. Chi Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức					
6. Các khoản chi khác					
6.1. Thuê mượn cơ sở vật chất, văn phòng phẩm, nước uống, chi khác cho hội đồng chấm.	Căn cứ Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, hợp lệ trong phạm vi dự toán				
6.2. Tiền ở phụ cấp công tác và vé tàu xe đi lại cho giáo viên ở xa trong thời gian dự thi.	Được đơn vị cử giáo viên dự thi thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành trong dự toán nguồn kinh phí được cấp thẩm quyền giao				
6.3. Tiền thuê phòng học, phòng thí nghiệm, thuê phương tiện đi thực tế, thực hành và các dịch vụ khác	Căn cứ chế độ hiện hành, Hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp hợp lệ trong phạm vi dự toán được giao				
6.4. Chi mua nguyên vật liệu, hoá chất					
7. Ngoài chế độ thanh toán công tác phí, giáo viên được hỗ trợ tiền nước uống cho giáo viên trong những ngày dự thi	<i>Người/ngày</i>	0	60	100	Do đơn vị cử người dự thi chi hỗ trợ

II. THI GIÁO VIÊN DẠY GIỎI CÁC MÔN THI KHÁC, HỘI THI KHÁC: Bao gồm thi đồ dùng dạy học, thi tổng phụ trách đội giỏi, thi giáo viên thanh lịch... bằng 80% mức chi của môn văn hoá tương ứng cùng bậc học và cấp tổ chức ở trên. Riêng đối với các trường Mầm non, Tiểu học, THCS nếu có tổ chức thi cấp trường thì được áp dụng bằng 80% mức chi cấp huyện tương ứng.

PHỤ LỤC VII

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI NGHIỆP VỤ KHÁC CỦA NGÀNH GIÁO DỤC

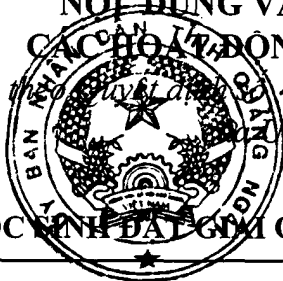
(Kèm theo Quyết định số 2 /2013/QĐ-UBND ngày 27 /02/2013

của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)			Ghi chú
		Cấp trường THPT hoặc tương đương	Cấp huyện (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	
1. Kiểm tra thư viện trường đạt chuẩn, kiểm tra phong trào thi đua “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”, kiểm định chất lượng giáo dục (đánh giá ngoài)	<i>Người/ngày</i>	0	100	120	Ngoài mức hỗ trợ thêm, cán bộ, công chức tham gia kiểm tra được cơ quan thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành
2. Kiểm tra trường đạt chuẩn Quốc gia	<i>Người/ngày</i>	0	120	140	
3. Kiểm tra đoàn, đội trường học	<i>Người/ngày</i>	0	60	80	
4. Châm sáng kiến kinh nghiệm, cải tiến kỹ thuật	<i>Bài/người</i>	0	100	120	Không quá 2 người
5. Kiểm tra dạy thêm, học thêm	<i>Người/ngày</i>	100	120	140	
6. Giám khảo các hội thi phải thuê người ngoài ngành giáo dục	<i>Người/ngày(đêm)</i>	0	200	300	Nếu là ban đêm được tính như 01 ngày
7. In giấy khen, giấy chứng nhận cho học sinh và giáo viên đạt giải thưởng	<i>Tờ</i>	1	2	2	

PHỤ LỤC VIII
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI KHEN THƯỞNG
CÁC HỌC SINH ĐẠT GIẢI QUỐC GIA VÀ KHU VỰC
CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ
 (Kèm theo Quyết định số 12 /2013/QĐ-UBND ngày 27/02/2013
 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



I. THƯỞNG HỌC SINH ĐẠT GIẢI QUỐC GIA VÀ KHU VỰC CÁC MÔN VĂN HÓA

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)	Ghi chú
1. Học sinh giỏi quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức			
- Nhất	Giải	5.000	
- Nhì	Giải	4.000	
- Ba	Giải	3.000	
- Khuyến khích	Giải	1.000	
2. Học sinh giỏi Quốc tế và khu vực (Châu Á, ASEAN)			
- Nhất	Giải	10.000	
- Nhì	Giải	8.000	
- Ba	Giải	6.000	
- Khuyến khích	Giải	3.000	
3. Học sinh giỏi đạt giải tại các kỳ thi khu vực (trong nước) không thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức			
- Nhất	Giải	1.000	
- Nhì	Giải	800	
- Ba	Giải	500	
- Khuyến khích	Giải	300	
4. Giáo viên trực tiếp bồi dưỡng học sinh giỏi Quốc gia có học sinh đạt giải			
- Nhất	Giải	3.000	
- Nhì	Giải	2.000	
- Ba	Giải	1.000	
- Khuyến khích	Giải	500	

II. THƯỞNG HỌC SINH ĐẠT GIẢI QUỐC GIA, KHU VỰC CÁC MÔN THI KHÁC VÀ THI MÁY TÍNH BỎ TÚI

1. Thưởng cá nhân			
- Nhất hoặc tương đương	Giải	500	Bao gồm giải thưởng có từ 03 người trở xuống như: song ca, tam ca, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ,...
- Nhì hoặc tương đương	Giải	400	
- Ba hoặc tương đương	Giải	300	
- Khuyến khích	Giải	200	
2. Thưởng tập thể			
-Nhất hoặc tương đương	Giải	1.000	Thưởng các giải tập thể có từ 04 người trở lên,...
- Nhì hoặc tương đương	Giải	800	
- Ba hoặc tương đương	Giải	600	
- Khuyến khích	Giải	400	

III. THƯỜNG HỌC SINH GIỎI CÁC CẤP: Áp dụng đối với cấp trường Trung học phổ thông hoặc tương đương; cấp huyện (gồm bậc học Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở) và cấp tỉnh. Riêng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở nếu có tổ chức thi cấp trường thì được áp dụng bằng 50% mức chi cấp huyện tương ứng.

Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đ)			Ghi chú
		Cấp trường THPT hoặc tương đương	Cấp huyện (MN, TH và THCS)	Cấp tỉnh	
1. Học sinh giỏi môn văn hóa					
- Nhất	<i>Giải</i>	600	600	800	
- Nhì	<i>Giải</i>	400	400	600	
- Ba	<i>Giải</i>	250	250	400	
- Khuyến khích	<i>Giải</i>	150	150	200	
2. Học sinh giỏi các môn thi khác, máy tính bỏ túi					
2.1. Thưởng cá nhân					
-Nhất hoặc tương đương	<i>Giải</i>	200	200	300	
- Nhì hoặc tương đương	<i>Giải</i>	150	150	200	
- Ba hoặc tương đương	<i>Giải</i>	100	100	150	
2.2. Thưởng tập thể					
- Nhất hoặc tương đương	<i>Giải</i>	500	500	600	
- Nhì hoặc tương đương	<i>Giải</i>	400	400	500	
- Ba hoặc tương đương	<i>Giải</i>	300	300	400	
- Khuyến khích	<i>Giải</i>	200	200	300	
3. Thưởng cho giáo viên trực tiếp bồi dưỡng học sinh giỏi môn văn hóa đạt giải và các môn thi máy tính bỏ túi đạt giải					
- Nhất	<i>Giải</i>	0	0	400	
- Nhì	<i>Giải</i>	0	0	300	
- Ba	<i>Giải</i>	0	0	200	

IV. THƯỜNG GIÁO VIÊN DẠY GIỎI CÁC CẤP: Áp dụng đối với cấp trường Trung học phổ thông hoặc tương đương; cấp huyện (gồm bậc học Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở) và cấp tỉnh. Riêng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở nếu có tổ chức thi cấp trường thì được áp dụng bằng 50% mức chi cấp huyện tương ứng.

1. Giáo viên dạy giỏi môn văn hóa

- Nhất	<i>Giải</i>	400	400	800	
- Nhì	<i>Giải</i>	300	300	600	
- Ba	<i>Giải</i>	200	200	400	
- Khuyến khích	<i>Giải</i>	100	100	200	
Giáo viên giỏi các môn thi khác					
2.1. Thưởng cá nhân					
- Nhất	<i>Giải</i>	300	300	400	
- Nhì	<i>Giải</i>	200	200	300	
- Ba	<i>Giải</i>	100	100	200	
2.2. Thưởng tập thể					
- Nhất	<i>Giải</i>	400	400	600	

- Nhì	<i>Giải</i>	300	300	400	
- Ba	<i>Giải</i>	200	200	300	
- Khuyến khích	<i>Giải</i>	100	100	200	

V. MỨC THƯỞNG TẠI CÁC HỘI THI: Hội khoẻ Phù Đổng, Hội thao quốc phòng, thể dục - thể thao, văn nghệ

1. Cá nhân					
- Vàng	<i>Giải</i>	200	200	300	
- Bạc	<i>Giải</i>	100	150	200	
- Đồng	<i>Giải</i>	100	100	150	
2. Giải đôi, toàn năng và tiếp sức; các giải song ca, tam ca của hội thi văn nghệ					
- Vàng	<i>Giải</i>	300	300	400	
- Bạc	<i>Giải</i>	200	200	300	
- Đồng	<i>Giải</i>	150	150	200	
3. Giải tập thể					
3.1. Bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ					
- Nhất	<i>Giải</i>		800	1.000	
- Nhì	<i>Giải</i>		600	800	
- Ba	<i>Giải</i>		400	500	
3.2. Toàn đoàn điền kinh					
- Nhất	<i>Giải</i>	0	600	800	
- Nhì	<i>Giải</i>	0	400	500	
- Ba	<i>Giải</i>	0	300	400	
3.3. Tốp ca, hát múa tập thể					
- Nhất	<i>Giải</i>	300	400	500	
- Nhì	<i>Giải</i>	200	300	400	
- Ba	<i>Giải</i>	150	200	300	
3.4. Toàn đoàn Văn nghệ, Hội khoẻ Phù Đổng, Hội thao Quốc phòng					
- Nhất	<i>Giải</i>	0	1.500	2.000	
- Nhì	<i>Giải</i>	0	1.000	1.500	
- Ba	<i>Giải</i>	0	600	1.000	
- Đơn vị miền núi có thành tích cao		0	0	800	

VI. CÁC MỨC THƯỞNG KHÁC

1. Trường đạt chuẩn Quốc gia	Trường	5.000	
2. Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục cấp độ III	Trường	5.000	
3. Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục cấp độ II	Trường	2.000	
4. Thư viện, phòng bộ môn được công nhận đạt chuẩn	Trường	500	